

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-ST  
Ngày: 24 - 5 - 2021  
V/v Tranh chấp dân sự về hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Vĩnh Thành;
2. Ông Lê Châu Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Đại Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp dân sự về hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1957, nơi cư trú: số 53, khóm CT, phường CP, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Tống Thanh S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973, cùng cư trú: tổ 8, khóm Vĩnh Tây 2, phường NS, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà N có mặt; ông S, bà T vắng mặt tại phiên tòa (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:*

Do vợ ông S là bà T có nợ tiền hụi 66.090.000 đồng của bà N nên ngày 27/7/2019, ông S đến nhà bà N để thỏa thuận xin trả dần, bà N đồng ý và giảm số tiền 6.090.000 đồng nên số nợ còn lại là 60.000.000 đồng, trả mỗi tháng

5.000.000 đồng, thời gian từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/7/2020. Tuy nhiên, ông S chỉ trả được 33.000.000 đồng, còn nợ lại 27.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông S và bà T có trách nhiệm trả một lần số nợ 27.000.000 đồng.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình: Giấy nợ và Giấy trả nợ.

*Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tống Thanh S và bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Năm 2019, bà N có mua lại hụi của hụi viên, do bà T làm chủ hụi. Quá trình chơi hụi, ông S, bà T có kết toán lại còn nợ bà N 60.000.000 đồng. Kể từ thời điểm nợ, ông S, bà T đã trả mỗi tháng 5.000.000 đồng, trả được 33.000.000 đồng thì không còn khả năng trả nên đã ngưng cho đến nay. Ông S, bà T thừa nhận còn nợ bà N là 27.000.000 đồng nhưng do ông S đang bị bệnh, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tòa án đã mở phiên hòa giải do các đương sự không thống nhất phương thức thanh toán nên hòa giải không thành.

\* Tại phiên tòa,

- Ý kiến của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài ra, nguyên đơn còn xác định tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp bổ sung.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình do pháp luật quy định. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, cũng như lời thừa nhận nợ của ông S, bà T thể hiện: Vợ chồng ông S, bà T có nợ bà N số tiền hụi 66.090.000 đồng. Ngày 27/7/2019, ông S và bà N thỏa thuận về việc trả nợ, được bà N giảm bớt số tiền 6.090.000 đồng nên còn nợ 60.000.000 đồng, cam kết trả mỗi tháng

5.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 30/7/2020, ông S, bà T chỉ trả được 33.000.000 đồng, còn nợ 27.000.000 đồng đến nay không trả. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu ông S, bà T trả số nợ 27.000.000 đồng.

Xét, việc các bên tham gia hội trên cơ sở tự nguyện, phía ông S, bà T thừa nhận còn nợ bà N và có thỏa thuận thời gian trả đến ngày 30/7/2020 nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận nên bà N khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Đối với việc ông S, bà T yêu cầu được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng nhưng không được bà N chấp nhận nên không có cơ sở xem xét. Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về tố tụng:*

*[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn ông Tống Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường NS, thành phố X nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông S, bà T trả số nợ tiền hội. Do đó, Hội đồng xét xử xác định ông S, bà T cùng là bị đơn trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn ông S, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

#### *[2] Về nội dung:*

Bà Nguyễn Thị Thu N cho rằng ông Tống Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T nợ tiền hội 27.000.000 đồng. Ông S, bà T thừa nhận còn nợ tiền hội của bà N là 27.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét, buộc ông S, bà T có trách nhiệm trả cho bà N số nợ hội là 27.000.000 đồng.

Về phương thức thanh toán ông S, bà T xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, phương thức thanh toán sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

#### *[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Tống Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả nợ 27.000.000 đồng nên phải chịu án phí là 1.350.000 đồng (27.000.000 đồng

đồng x 5%) như theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời, do bà N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu N.

Ông Tống Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu N số tiền 27.000.000 (*hai mươi bảy triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tống Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 1.350.000 (*một triệu ba trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Thu N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo Ông Tống Thanh S, bà Nguyễn Thị Thanh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát X (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**